

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu quyết toán 06 tháng đầu năm 2023
của xã Bình Lợi

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH LỢI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ quyết định số 9797/QĐ.UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước- chi ngân sách địa phương đối với các cơ quan, đơn vị trường học, UBND các xã, thị trấn thuộc huyện năm 2023;

Căn cứ hướng dẫn của phòng Tài chính – Kế hoạch về việc thực hiện công khai quyết toán 6 tháng đầu năm 2023;

Xét đề nghị của Ban tài chính xã Bình Lợi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán 06 tháng đầu năm 2023 của xã Bình Lợi (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Bình Lợi, Ban Tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trường thôn trong xã;
- Lưu: VT,

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH LỢI
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Vinh

**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG NĂM 2023**

Kèm Quyết định số 105A / UBND ngày 12 tháng 07 năm 2023

Đơn vị: 1000 Đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	8.844.215.681	4.687.936.929	53
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	50.000.000	26.182.000	52
2	Các khoản thu phân chi theo tỉ lệ (1)	1.383.000.000	665.539.248	48
3	Thu bổ sung	6.823.000.000	3.408.000.000	50
	- Thu bổ sung cân đối	6.823.000.000	3.408.000.000	
	- Thu bổ sung có mục tiêu			
4	Thu chuyển nguồn	588.215.681	588.215.681	
5	Thu từ nguồn CCTL tại đơn vị		0	
II	TỔNG SỐ CHI	8.016.000.000	4.315.662.542	54
1	Chi đầu tư phát triển			
2	Chi thường xuyên	8.016.000.000	4.315.662.542	54
3	Dự phòng	240.000.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Kèm Quyết định số 105A / UBND ngày 12 tháng 07 năm 2023

Đơn vị: 1000 Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023		ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	9.999.215.681	9.744.215.681	5.035.711.180	4.740.946.929	50,36	49
I	Các khoản thu xã hưởng 100%	250.000.000	250.000.000	79.192.000	79.192.000	31,68	32
	Phí, lệ phí	30.000.000	30.000.000	21.133.000	21.133.000	70,44	70
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		0	0	0		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		0				
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		0				
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		0				
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		0		0		
	Thu quỹ an ninh quốc phòng		0				
	Thu phí vệ sinh	200.000.000	200.000.000	53.010.000	53.010.000	26,51	27
	Thu cố định		0				
	Thu khác	20.000.000	20.000.000	5.049.000	5.049.000	25%	25%
II	Các khoản thu phân chi theo tỉ lệ	2.338.000.000	2.083.000.000	960.303.499	665.539.248	41%	32
1	Các khoản thu phân chia	1.828.000.000	1.828.000.000	579.347.199	494.108.913	1	1
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	380.000.000	380.000.000	349.370.627	349.370.627	92%	92%
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	48.000.000	48.000.000	59.500.000	59.500.000		
	- Lệ phí trước bạ nhà đất	1.400.000.000	1.400.000.000	170.476.572	85.238.286	12%	6%
	- Phạt vi phạm hành chính về trật tự an ninh quốc phòng						
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	510.000.000	255.000.000	380.956.300	171.430.335		
	- Thuế giá trị gia tăng	510.000.000	255.000.000	380.956.300	171.430.335		
	- Thuế chuyển quyền sử dụng đất						
	- Thuế Thu nhập cá nhân						
III	Tạm thu và vay chưa đưa vào cân đối ngân sách				0		
IV	Thu chuyển nguồn	588.215.681	588.215.681	588.215.681	588.215.681		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VII	Thu bổ sung NS cấp trên	6.823.000.000	6.823.000.000	3.408.000.000	3.408.000.000	50%	50
	- Thu bổ sung cân đối	6.823.000.000	6.823.000.000	3.408.000.000	3.408.000.000	50%	50
	- Thu bổ sung có mục tiêu		0				



Biểu số 115/CK

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Kèm Quyết định số 105A / UBND ngày 12 tháng 07 năm 2023

Đơn vị:

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023			SO SÁNH (%)	
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2
	TỔNG CHI	8.466.150.500	0	8.466.150.500	4.315.662.542	0	4.315.662.542	51%	
	Trong đó:								
1	Chi giáo dục	65.000.000		65.000.000	30.523.617		30.523.617	47%	
2	Chi quốc phòng an ninh	2.253.000.000		2.253.000.000	1.303.162.738		1.303.162.738	58%	
3	Chi văn hóa, thông tin	109.000.000		109.000.000	68.562.317		68.562.317	63%	
4	Chi phát thanh, truyền thanh	32.000.000		32.000.000	16.653.918		16.653.918	52%	
5	Chi thể dục thể thao	37.800.000		37.800.000	37.415.000		37.415.000	99%	
6	Chi bảo vệ môi trường	144.000.000		144.000.000	19.000.000		19.000.000	13%	
7	Chi các hoạt động kinh tế	108.000.000		108.000.000	4.800.000		4.800.000	4%	
8	Chi các hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.205.350.500		5.205.350.500	2.695.322.702		2.695.322.702	52%	
9	Chi cho công tác xã hội	262.000.000		262.000.000	136.172.250		136.172.250	52%	
10	Chi khác	10.000.000		10.000.000	4.050.000		4.050.000	41%	
11	Dự phòng ngân sách	240.000.000		240.000.000	0		0		